

Bản án số: 30/2024/HS-PT

Ngày: 24-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hà

Các Thẩm phán: 1. Ông Trần Minh Châu

2. Bà Phạm Uyên Thy

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng Nhung

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 424/2023/TLPT-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023 đối với Phan Văn H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 122/2023/HS-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Phan Văn H; giới tính: nam; sinh năm: 1960 tại tỉnh Long An; nơi thường trú: 336/1 N, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: hưu trí; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; con ông: Phan Văn Đ (chết) và bà Nguyễn Thị N (chết); hoàn cảnh gia đình: có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/7/2014 đến ngày 20/01/2016 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác:

Các bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị:

1. Bùi Xuân H1; sinh năm: 1965

Nơi đăng ký thường trú: 141 N, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Nguyễn Văn K; sinh năm: 1986

Nơi đăng ký thường trú: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

3. Nguyễn Văn T; sinh năm: 1980

Nơi đăng ký thường trú: Đội J, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An;

Nơi cư trú: 124 đường T, khu phố D, phường T, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người bào chữa:

1. Ông Trần Hải Đức - Luật sư Văn phòng luật sư Trần Hải Đức thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Phan Văn H (có mặt).

2. Ông Trịnh Công Minh – Luật sư Văn phòng luật sư Trung Nguyên thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Phan Văn H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng năm 2008 - 2009, thông qua sự giới thiệu của Lê Anh K1 (không xác định lai lịch) Phan Văn H và Bùi Xuân H1 ký hợp đồng khai thác cát với ông Lê Văn M (*đã chết vào ngày 07/01/2023 theo Giấy chứng tử số 456/TLKT-BS ngày 24/4/2023*). Phan Văn H đưa trước cho ông Lê Văn M số tiền là 100.000.000 đồng, Bùi Xuân H1 đưa trước cho ông Lê Văn M số tiền là 350.000.000 đồng. Sau khi hai bên ký hợp đồng, do một số điều kiện trong hợp đồng không đáp ứng được nên hợp đồng không được thực hiện. Ông Lê Văn M hoàn trả lại cho Phan Văn H được 20.000.000 đồng, nợ lại 80.000.000 đồng. Do làm ăn thua lỗ, ông Lê Văn M chưa trả lại số tiền trên cho Phan Văn H và Bùi Xuân H1.

Ngày 12, 13 tháng 7 năm 2014, Lê Anh K1 gọi điện thông báo cho Phan Văn H về việc ông Lê Văn M vừa trúng thầu hợp đồng trị giá 1.200.000.000 đồng, sẽ có tiền trả cho ông Phan Văn H, Lê Anh K1 biết nơi ở của ông Lê Văn M, yêu cầu ông Phan Văn H nhanh chóng đến Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến trưa ngày 15/7/2014, Phan Văn H từ Cần Thơ đến Thành phố Hồ Chí Minh, Lê Anh K1 đón Phan Văn H tại bến xe, cả hai đến quán nước, Lê Anh K1 giới thiệu hai người em kết nghĩa của mình là Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn K cho Phan Văn H. Lê Anh K1 nhờ Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn K tìm giữ ông Lê Văn M để giúp ông Phan Văn H đòi nợ. Phan Văn H nhờ Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn T cố gắng giữ ông Lê Văn M, nếu đòi được nợ sẽ cho tiền “cà phê”. Sau khi 04 người đi ăn uống, Phan Văn H về nhà Nguyễn Văn T ngủ, hẹn Nguyễn Văn K sáng sớm hôm sau sẽ gặp nhau trước nhà ông Lê Văn M.

Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 16/7/2014, Nguyễn Văn T điều khiển xe gắn máy biển số 59U1-136.18 chở Phan Văn H đến gặp Nguyễn Văn K đang ngồi tại quán hủ tiếu trước nhà ông Lê Văn M tại số I đường H, phường H, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh ăn sáng. Một lúc sau, Nguyễn Văn T điều khiển xe chạy về nhà có việc, cùng lúc, ông Lê Văn M điều khiển xe gắn máy từ trong nhà chạy ra. Phan Văn H yêu cầu Nguyễn Văn K đuổi theo để kiểm tra có phải là ông Lê Văn M hay không, nếu đúng thì đưa ông Lê Văn M vào quán cà phê

đề Phan Văn H làm việc. Nguyễn Văn K đồng ý và điện thoại đề nghị Nguyễn Văn T quay lại điều khiển xe gắn máy hiệu SH biển số 59U1-136.18 chở Nguyễn Văn K đuổi theo ông Lê Văn M khoảng 500m thì đuổi kịp, Nguyễn Văn T áp sát yêu cầu ông Lê Văn M dừng xe nói chuyện. Do không quen biết, ông Lê Văn M tiếp tục chạy được khoảng vài chục mét đến trước nhà số 62/3 đường T, phường T, quận L thì gặp đèn đỏ nên dừng lại, Nguyễn Văn T dừng xe bên cạnh, khi đèn xanh, Nguyễn Văn T chạy áp sát tiếp tục yêu cầu ông Lê Văn M vào quán cà phê để nói chuyện, Nguyễn Văn K nhảy khỏi xe Nguyễn Văn T, lên xe của ông Lê Văn M ngồi phía sau, tay Nguyễn Văn K vịn vào vai ông Lê Văn M yêu cầu vào quán cà phê có “*Ông H Cần Thơ cần gặp*”, Nguyễn Văn T điều khiển xe áp sát ép xe buộc ông Lê Văn M phải vào quán cà phê phía trước.

Tại quán cà phê C trên đường H, phường T, quận L, Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn T dẫn ông Lê Văn M đến bàn ngồi, Nguyễn Văn K thông báo với ông Lê Văn M “*Một lát sẽ có người đến nói chuyện, ông không được la, nếu la sẽ còng tay*”, ông Lê Văn M ngồi im không phản kháng. Phan Văn H điện thoại yêu cầu Nguyễn Văn T quay lại quán hủ tiếu chở Phan Văn H đến quán cà phê C vào ngồi cùng bàn với ông Lê Văn M, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn K ngồi gần quan sát. Trong lúc Phan Văn H và ông Lê Văn M trao đổi, ông Lê Văn M không có tiền trả nợ xin hẹn lại, Nguyễn Văn K nghe ông Phan Văn H đe dọa ông Lê Văn M “*Không có tiền trả lần này thì nát xương*”. Phan Văn H điện thoại thông báo cho Bùi Xuân H1 “*Đã giữ được ông Lê Văn M tại quán cà phê C*”, yêu cầu Bùi Xuân H1 đến quận L để giải quyết, nhưng do bận việc, Bùi Xuân H1 yêu cầu đưa ông Lê Văn M đến quán cà phê TN tại địa chỉ số 06 T, phường B, quận T (do Bùi Xuân H1 cũng đang có khách hẹn tại địa chỉ trên). Phan Văn H thông báo với ông Lê Văn M ngồi đây một lát sẽ đi chỗ khác. Phan Văn H nhờ Nguyễn Văn T gọi taxi 07 chỗ để đưa ông Lê Văn M về quận T gặp “H1 râu” (tức Bùi Xuân H1) để cùng giải quyết nợ, ông Lê Văn M hỏi đi đâu nhưng Phan Văn H không trả lời.

Khi xe taxi đến, Phan Văn H, Nguyễn Văn K dẫn ông Lê Văn M ra xe, Nguyễn Văn T lo sợ trên đường đi ông Lê Văn M bỏ trốn nên nhờ người quen là Trần Thanh H2 đi cùng. Khi lên xe, ông Lê Văn M ngồi băng sau giữa Nguyễn Văn K và Phan Văn H, Trần Thanh H2 ngồi ghế trước cạnh ghế tài xế. Mọi người yêu cầu tài xế chạy về quận T. Trong lúc ngồi trên xe, Phan Văn H gọi điện (không xác định gọi cho người nào) để hỏi địa chỉ và hướng dẫn đường cho tài xế taxi.

Khoảng 09 giờ cùng ngày, khi đến quán cà phê TN, Bùi Xuân H1 đang đứng chờ, Bùi Xuân H1 hướng dẫn Phan Văn H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn K và Trần Văn Hải dẫn ông Lê Văn M vào phòng lạnh trên lầu 1 để ông Lê Văn M ngồi vào bàn, ghế trong cùng, ngồi đối diện với ông Lê Văn M là Bùi Xuân H1, bên cạnh là Phan Văn H, ngồi bên cạnh ông Lê Văn M là Trần Thanh H2, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn K ngồi hai ghế ngoài cùng. Sau khi mọi người ổn định vị trí, Phan Văn H yêu cầu ông Lê Văn M lấy bóp, điện thoại để trên bàn cho Phan Văn H kiểm tra. Lúc này, có 03 người khách của Bùi Xuân H1 vô phòng, Bùi Xuân H1 dẫn khách ra bàn phía sau ngồi. Tại bàn ông Lê Văn M

ngồi gồm có ông Lê Văn M, Phan Văn H và Trần Thanh H2, còn Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn K qua bàn kế bên ngồi quan sát, Phan Văn H kiểm tra bóp, giấy tờ, tiền của ông Lê Văn M.

Lúc 09 giờ 35 phút cùng ngày, một người đàn ông tự xưng T1 là người quen của Bùi Xuân H1 (chưa xác định lai lịch) đến vào bàn hỏi ai là Lê Văn M, Bùi Xuân H1 chỉ tay về phía ông Lê Văn M, T1 đi đến ngồi chỉ tay vào mặt ông Lê Văn M lớn tiếng chửi và đe dọa, yêu cầu ông Lê Văn M trả tiền, những người khách của Bùi Xuân H1 ngồi bàn phía sau đứng dậy đi về. Lúc này, T1 dùng tay đánh vào mặt ông Lê Văn M, đứng lên ghế dùng chân đá vào ngực, vào người ông Lê Văn M. T1 liên tục chửi, đe dọa ông Lê Văn M, buộc ông Lê Văn M phải trả tiền, nếu không trả thì ông Lê Văn M bị đánh vào mặt, đâm vào đầu, nắm tóc ghì xuống. Tất cả hành động của T1 đều có sự chứng kiến của Phan Văn H, Bùi Xuân H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn K và Trần Thanh H2.

Đến 09 giờ 48 phút, T2 (không xác định lai lịch, do Bùi Xuân H1 gọi đến) đến ngồi vào cùng bàn với ông Minh, cạnh bên Phan Văn H, T1 đứng lên đánh vào mặt ông Lê Văn M, dí thuốc lá đang cháy vào mặt ông Lê Văn M, tiếp tục chửi, gây sức ép để ông Lê Văn M trả nợ.

Đến 09 giờ 52 phút, T1 và T2 dùng điện thoại quay phim chụp hình ông Lê Văn M, đưa điện thoại có hình ông Lê Văn M cho ông Lê Văn M xem, đe dọa nếu ông Lê Văn M không trả nợ sẽ đưa qua Campuchia xử lý.

Đến 09 giờ 53 phút, T2 đứng lên hắt ly có nước vào mặt ông Lê Văn M, chửi, đe dọa sẽ xử lý ông Lê Văn M nếu không trả nợ, ép buộc ông Lê Văn M viết giấy nợ tính cả tiền lời từ trước đến nay với tổng số tiền là 750.000.000 đồng cho T1, yêu cầu ông Lê Văn M điện thoại về gia đình cho người mang tiền đến trả mới cho ông Lê Văn M về, nếu không có tiền thì mang sổ nhà, sổ đất đến cầm, thế chấp lấy tiền trả. Ông Lê Văn M gọi điện thoại về cho vợ là bà Nguyễn Thị L yêu cầu đến quán để giải quyết. Phan Văn H nói với ông Lê Văn M “*Còn tiền tao thì mày tính sao?*”, yêu cầu ông Lê Văn M viết giấy nợ, tính tiền lãi cho Phan Văn H số tiền là 45.000.000 đồng.

Đến 10 giờ 03 phút, T1 tiếp tục dùng tay nắm tóc ông Lê Văn M, dí thuốc vào mặt ông Lê Văn M, liên tục đe dọa từ khi mới bước vào phòng.

Lúc 10 giờ 15 phút, một người đàn ông đến và được Bùi Xuân H1 dẫn vào phòng giới thiệu là cán bộ của Cục hình sự - Bộ công an tên “N1” đến làm việc với ông Lê Văn M, ông Nguyễn Tiến N1 ghi tên tuổi lai lịch của ông Lê Văn M, kiểm tra giấy nợ, giấy Chứng minh nhân dân chụp hình ông Lê Văn M, hù dọa nếu ông Lê Văn M không trả tiền cho ông Phan Văn H thì sẽ bị bắt, bị xử lý hình sự. Trong lúc ông Nguyễn Tiến N1 ngồi làm việc với ông Lê Văn M, T1 đứng lên chửi, nắm đầu tóc, dùng tay đánh vào đầu ông Lê Văn M. Đến 10 giờ 25 phút, ông Nguyễn Tiến N1 đứng lên đi đến bàn phía sau nói chuyện với Bùi Xuân H1 đến 10 giờ 37 phút thì ra về.

Lúc 11 giờ 35 phút cùng ngày, ông Lê Văn M xin đi vệ sinh, T1 yêu cầu Nguyễn Văn K đi theo ông Lê Văn M canh chừng, Nguyễn Văn K đi trước mở cửa cho ông Lê Văn M, sau đó dẫn ông Lê Văn M vào lại phòng.

Lúc 12 giờ 39 phút cùng ngày, bà Nguyễn Thị L (vợ của ông Lê Văn M) và ông Huỳnh Kim L1 (bạn của ông Lê Văn M) đến ngồi vào bàn nói chuyện với hai ông Phan Văn H. Bà Nguyễn Thị L thương lượng với hai ông Phan Văn H về số nợ, Phan Văn H, Bùi Xuân H1 và T1, T2 yêu cầu bà Nguyễn Thị L về vay mượn tiền hoặc cầm cố giấy tờ nhà mang tiền đến trả thì sẽ cho ông Lê Văn M về. Ông Huỳnh Kim L1 cảm nhận tình hình không ổn bỏ về trước, đồng thời điện thoại báo Công an Phường 2, quận Tân Bình với nội dung “tại quán cà phê TN có xảy ra đánh nhau”.

Khoảng hơn 13 giờ 00 phút cùng ngày, hai cán bộ Công an Phường 2, quận Tân Bình là ông Nguyễn Trung H3 và ông Võ Tiến Đ1 đến vào phòng lạnh nói chuyện với Bùi Xuân H1, Bùi Xuân H1 nói với ông Võ Tiến Đ1 “*Không có chuyện gì, không có đánh nhau, chỉ là giải quyết việc nợ nần*”. Ông Nguyễn Trung H3 nghe Bùi Xuân H1 nói thì ra ngoài điện thoại sau đó quay lại phòng nói chuyện với Bùi Xuân H1 rồi hai cán bộ công an đi về. Đến 13 giờ 35 phút cùng ngày, T1 bỏ về.

Khoảng 14 giờ cùng ngày, Bùi Xuân H1 đi công việc. Riêng bà Nguyễn Thị L ra khỏi phòng đến 13 giờ 59 phút thì quay lại gặp ông Lê Văn M và lấy túi đồ rồi ra về để kiểm tiền trả nợ. Lúc này trong phòng chỉ còn lại ông Lê Văn M, Nguyễn Văn K và Phan Văn H.

Đến 14 giờ 47 phút, ông Lê Văn M xin Phan Văn H đi vệ sinh, Phan Văn H yêu cầu Nguyễn Văn K đi theo giám sát, sau đó Nguyễn Văn K đưa ông Lê Văn M quay trở lại phòng.

Đến khoảng 16 giờ 00 phút, không thấy vợ ông Lê Văn M mang tiền đến, Phan Văn H điện thoại cho Bùi Xuân H1 yêu cầu về lại giải quyết. Ông Lê Văn M lo sợ sẽ bị đưa đi nơi khác nên xin Phan Văn H cho Lê Văn M điện thoại về cho vợ kiểm tra có tiền chưa, Phan Văn H đồng ý, khi liên lạc biết được bà Nguyễn Thị L vẫn chưa có tiền, ông Lê Văn M nghe Phan Văn H nói “*Nếu không có tiền sẽ đưa đi nơi khác*”. Do lo sợ nên lợi dụng lúc Phan Văn H không để ý, ông Lê Văn M lén lút lấy điện thoại nhắn tin cho bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà Nguyễn Thị L đến trình báo Công an nếu không sẽ bị đưa đi nơi khác. Nhận tin, bà Nguyễn Thị L điện thoại đến Công an Phường 2, quận Tân Bình trình báo. Khi Bùi Xuân H1 quay lại, cùng lúc Công an Phường 2, quận Tân Bình đến đưa mọi người về Trụ sở Công an Phường 2, quận Tân Bình giải quyết.

Trích xuất camera tại quán cà phê TN địa chỉ số 06 T, phường B, quận T, ghi nhận diễn biến như nêu trên. Tại khu vực phòng lạnh, từ khi Bùi Xuân H1 dẫn ông Lê Văn M vô phòng cho đến khi công an đến đưa tất cả về phường làm việc, chỉ có hai lần khách ông Bùi Xuân H1 vào ngồi uống nước nói chuyện một lúc rồi đi, không có khách nào khác được vô phòng này. Chỉ có nhân viên phục vụ quán vô bung nước, rót nước, bung thức ăn vô rồi ra ngay. Phòng lạnh nằm riêng biệt trên lầu 1, có phòng vệ sinh ngay phía sau, có lối đi riêng từ phía sau

phòng. Làm việc với quản lý là ông Nguyễn Hoàng Trung K2 xác định Bùi Xuân H1 là khách quen của quán, khi đến chỉ ngồi tại phòng này, đây là phòng riêng biệt, chỉ có 01 nhân viên lên phục vụ nước, không cho nhân viên ở lại làm phiên.

Báo cáo của Công an Phường 2, quận Tân Bình và camera ghi nhận, khoảng 13 giờ 00 phút ngày 16/7/2014, có một người đàn ông gọi điện thoại đến Công an Phường 2 thông báo “*Tại quán cà phê TN có xảy ra đánh nhau*”. Do vậy, Công an Phường 2 cử hai cán bộ là ông Nguyễn Trung H3 và ông Võ Tiến Đ1 đến nơi xem xét sự việc. Khi đến quán cà phê hai cán bộ Công an hỏi nhân viên quán “*Có ai đánh nhau gây mất trật tự không?*”, nhân viên trả lời “*Không có*”. Hai cán bộ công an đi lên lầu quan sát, vào phòng lạnh và tiếp xúc với Bùi Xuân H1. Ông Phan Văn H nói “*Ở đây không có gì*”. Đồng thời quan sát không thấy có đánh nhau nên cán bộ Nguyễn Trung H3 điện thoại xin ý kiến chỉ huy, 02 cán bộ công an ra về.

Ông Nguyễn Tiến N1 thừa nhận có mặt vào thời điểm trên do ông đưa người nhà ra Sân bay TSN thì Bùi Xuân H1 điện thoại cho ông đến quán cà phê TN, ông nhìn thấy nhóm người đang giải quyết nợ. Nghe vậy, ông Nguyễn Tiến N1 có hỏi lai lịch của ông Lê Văn M và chuyện ông Lê Văn M nợ tiền, ông Nguyễn Tiến N1 giải thích cho ông Lê Văn M nếu không trả tiền sẽ bị xử lý theo pháp luật. Do thấy Bùi Xuân H1 đang có việc không tiện uống cà phê, ông Nguyễn Tiến N1 bỏ về.

Đối với bị hại là ông Lê Văn M xác định rất lo sợ các đối tượng trên vì số người của Phan Văn H rất đông, ông Lê Văn M bị ức chế về mặt tinh thần, không dám làm sai hay phản ứng khi Phan Văn H yêu cầu ông lên taxi để đến cà phê TN. Tại cà phê TN, ông Lê Văn M bị tước quyền tự do, không được phép sử dụng điện thoại mà do Phan Văn H giám sát, khi đi vệ sinh phải xin phép và có người đi theo canh bên ngoài cửa. Cũng tại đây, ông Lê Văn M bị hai đối tượng T1 và T2 đánh đập, đe dọa trả nợ. Khi Công an Phường 2, quận Tân Bình đến, Bùi Xuân H1 là người trực tiếp nói chuyện với Công an, do Công an Phường không nói chuyện với ông Lê Văn M và ông Lê Văn M thấy Bùi Xuân H1 có thái độ thân với công an, nhóm của Phan Văn H có 05 đến 06 người nên ông Lê Văn M không dám kêu la, cầu cứu. Nguyên nhân không truy hô nhờ hỗ trợ do bị uy hiếp tinh thần, nếu không nghe theo ông sợ bị đánh và bị đưa đi Campuchia, ông Lê Văn M hoang mang, tinh thần bị tê liệt, không còn khả năng chống cự. Đến gần 16 giờ chiều cùng ngày, do vợ chưa có tiền trả, ông Lê Văn M nghe Phan Văn H nói sẽ chuyển đi nơi khác nên ông Lê Văn M lén nhắn tin cho vợ yêu cầu vợ nhanh chóng báo công an. Kiểm tra thân thể của ông Lê Văn M có dấu vết bị gây thương tích.

Bà Nguyễn Thị L xác định khi bà và ông Huỳnh Kim L1 đến quán TN không quen biết ai trong số họ. Bà thấy ông Lê Văn M ngồi im re, bà hỏi có bị sao không thì ông Lê Văn M không trả lời. Tuy nhiên, bà nhìn mặt ông Lê Văn M bị sưng, có dấu tàn thuốc lá châm trên mặt, vẻ mặt mệt mỏi là bà đoán được ông Lê Văn M bị đánh rồi, Bùi Xuân H1, Phan Văn H, T1, T2 đe dọa nếu không có tiền,

không cầm giấy tờ thì không thả ông Lê Văn M. Khi Công an Phường đến, Bùi Xuân H1 là người trực tiếp nói chuyện với Công an “*không có gì, nếu không giải quyết được thì đưa lên Công an phường*”. Do mục đích của bà Nguyễn Thị L là đến thương lượng, không suy đoán được tình trạng của ông Lê Văn M, bà Nguyễn Thị L chỉ lo vay mượn tiền trả nợ. Đến khi nhận được tin nhắn của ông Lê Văn M, bà Nguyễn Thị L mới biết Bùi Xuân H1 sẽ đưa ông Lê Văn M đi nơi khác, không lên Công an Phường như lời đã nói, lúc này, bà Nguyễn Thị L lo sợ đến tình trạng nguy hiểm của ông Lê Văn M nên đến trình báo tại Công an Phường 2, quận Tân Bình.

Ông Huỳnh Kim L1 là người chở bà Nguyễn Thị L đến quán cà phê TN xác định khi đến quán cà phê TN nhìn thấy ông Lê Văn M bị nhiều người vây xung quanh, 01 người lớn tiếng chửi, đe dọa ông Lê Văn M nhìn “*Rất hung dữ giống dân giang hồ*” nên ông Huỳnh Kim L1 bỏ ra về và đến Công an Phường 2, quận Tân Bình trình báo về việc “*Tại quán cà phê TN có bắt người, đánh nhau*” rồi ông đi về. Khoảng 01 đến 02 giờ sau, ông Huỳnh Kim L1 gọi điện lại cho ông Lê Văn M hỏi công an đến chưa, ông Lê Văn M trả lời chưa, ông Huỳnh Kim L1 tiếp tục điện thoại lại thông báo Công an Phường 2 “*Có đánh nhau tại quán cà phê TN*”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 25/2016/HSST ngày 20/01/2016 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phan Văn H, Bùi Xuân H1, Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn T phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 123; điểm h, g khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

+ Xử phạt bị cáo Phan Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng 03 (ba) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2014. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

+ Xử phạt bị cáo Bùi Xuân H1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng 03 (ba) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2014. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 123; điểm h, g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng 03 (ba) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2014. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 123; điểm h, g, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án

- Ngày 29/01/2016 bị cáo Phan Văn H kháng cáo kêu oan.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 300/2016/HS-PT ngày 02/6/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 248; điểm d khoản 1 Điều 249 và Điều 250 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2016/HSST ngày 20/01/2016 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh về phần tội danh và hình phạt liên quan đến các bị cáo.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 41/2018/HS-ST ngày 07/6/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phan Văn H, Bùi Xuân H1, Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn T phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 123; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

+ Xử phạt bị cáo Phan Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng 03 (ba) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2014. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

+Xử phạt bị cáo Bùi Xuân H1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng 03 (ba) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2014. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng 03 (ba) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2014. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Căn cứ khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

- Ngày 07/6/2018 và ngày 21/6/2018 bị cáo Phan Văn H và Bùi Xuân H1 kháng cáo kêu oan.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 401/2018/HS-PT ngày 17/9/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Áp dụng Điều 345; Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2018/HSST ngày 07/6/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh để chuyển đến Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh điều tra, truy tố và xét xử lại theo thủ tục chung.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2022/HSST ngày 11/01/2022 của Tòa án nhân dân Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 29 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tuyên bố :

+ Miễn trách nhiệm hình sự về hành vi “Bắt, giữ người trái pháp luật” của Nguyễn Văn K.

+ Miễn trách nhiệm hình sự về hành vi “Giữ người trái pháp luật” của Phan Văn H, Bùi Xuân H1, Nguyễn Văn T.

- Ngày 12/01/2022, bị cáo Phan Văn H kháng cáo kêu oan.

- Ngày 24/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình kháng nghị đề nghị áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 330/2022/HS-PT ngày 05/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355; Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

+ Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2022/HS-ST ngày 11/01/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra, truy tố, xét xử lại theo các quy định pháp luật.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 122/2023/HS-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phan Văn H, Bùi Xuân H1, Nguyễn Văn T phạm tội “Giữ người trái pháp luật”, bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 123; điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

+ Xử phạt bị cáo Phan Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng 03 (ba) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2014. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phạt đối với Bùi Xuân H1, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T, xử lý về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

- Ngày 09/10/2023 bị cáo Phan Văn H kháng cáo kêu oan.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm kết luận: Mặc dù bị cáo Phan Văn H không thừa nhận hành vi phạm tội tuy nhiên căn cứ lời khai các bị cáo không có kháng cáo, trích xuất camera tại hiện trường vụ án và đánh giá xuyên suốt quá trình bị cáo cùng các đối tượng khác giữ ông Lê Văn M nhằm đòi nợ, nhận thấy cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Phan Văn H phạm tội “Giữ người trái pháp luật” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các luật sư bào chữa bị cáo đều nêu ý kiến: Hành vi của bị cáo chưa đủ dấu hiệu cấu thành tội “Giữ người trái pháp luật” bởi lẽ: Sự việc xuất phát từ việc ông Lê Văn M thiếu nợ bị cáo nhưng cố ý trốn nợ nhiều năm. Việc tìm gặp ông Lê Văn M, bị cáo không phải người chủ động mà do Lê Anh K1 tìm được ông Lê Văn M và báo cho bị cáo. Bị cáo chỉ nhờ Nguyễn Văn K chạy theo ông Lê Văn M để đề nghị vào quán cà phê nói chuyện, giữa bị cáo và đối tượng Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn K cũng không có sự hứa hẹn vật chất nào. Việc ông Lê Văn M tới quán cà phê là sự tự nguyện, tại quán ông Lê Văn M cũng gọi

điện thoại về cho vợ cho thấy không có sự hạn chế quyền. Mặt khác, quán cà phê đông người, ông Lê Văn M cũng không kêu la. Việc ông Lê Văn M đi vệ sinh có Nguyễn Văn K dắt đi thì bị cáo hoàn toàn không biết, bị cáo cũng không ngồi canh giữ bị hại. Xuyên suốt quá trình ở Quận 12 cho tới quận Tân Bình, ông Lê Văn M có nhiều cơ hội bỏ đi hoặc truy hô cho thấy bị hại hoàn toàn không bị hạn chế việc đi lại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo không phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Phan Văn H kháng cáo trong hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Về kháng cáo của bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và người bào chữa đều cho rằng bị cáo Hùng không phải là người thuê mướn Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T bắt giữ ông Lê Văn M. Khi phát hiện có người từ nhà ông Lê Văn M đi ra bị cáo chỉ nói với Nguyễn Văn K là đuổi theo nếu là ông Lê Văn M thì đưa vào một quán cà phê gần đó cho bị cáo đến gặp để giải quyết việc ông Lê Văn M nợ tiền. Trong suốt thời gian gặp ông Lê Văn M trong quán cà phê ở Quận 12 và ở quận Tân Bình bị cáo không hề đánh đập, đe dọa, hạn chế quyền đi lại đối với ông Lê Văn M. Do đó, hành vi của bị cáo không cấu thành tội “Giữ người trái pháp luật”. Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

Quá trình điều tra xác định, Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn T đều không quen biết bị cáo Phan Văn H cũng như ông Lê Văn M mà thông qua đối tượng Lê Anh K1 (chưa rõ lai lịch) là người giới thiệu bị cáo hợp tác làm ăn với ông Lê Văn M. Khi được Phan Văn H nhờ theo dõi và giữ ông Lê Văn M để Phan Văn H giải quyết việc nợ thì Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn K mới chạy theo bị hại Lê Văn M. Nguyễn Văn T áp sát xe để cho Nguyễn Văn K nhảy lên xe của ông Lê Văn M buộc bị hại vào quán cà phê, bị cáo Nguyễn Văn K có lời nói đe dọa, “*Một lát sẽ có người đến nói chuyện, ông không được la, nếu la sẽ còng tay*” uy hiếp tinh thần, hạn chế quyền tự do của người bị hại làm cho bị hại hoàn toàn mất quyền tự chủ và lệ thuộc vào các bị cáo. Bùi Xuân H1 cũng đã xác định, bị cáo đã gọi điện và yêu cầu Bùi Xuân H1 cùng tới giải quyết việc nợ dẫn tới sự việc bị cáo Phan Văn H cùng Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn K và tên Trần Thanh H2 (chưa rõ lai lịch) đưa bị hại tới quán cà phê TN tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, các đối tượng T1 và T2 do Bùi Xuân H1 dẫn đến đã dùng chân đạp vào ngực; châm tàn thuốc, tát nước vào mặt ông Lê Văn M nhiều lần. Sự việc diễn ra trong phòng riêng, trước sự chứng kiến của Phan Văn H, Bùi Xuân H1 và Nguyễn Văn K đã được camera tại quán cà phê TN ghi lại nhưng các bị cáo không ai phản đối mà bất chấp, bỏ mặc hậu quả và liên tục đe dọa đòi tiền. Sau khi các đối tượng Bùi Xuân H1, T2, T1 đi khỏi hiện trường, bị cáo Phan Văn H và Nguyễn Văn K tiếp tục ở lại quán cà phê canh giữ không cho ông Lê Văn M ra ngoài, ông Lê Văn M muốn đi vệ sinh phải xin phép Phan Văn H và có Nguyễn Văn K đi theo. Bị hại bị cưỡng ép đi theo các bị cáo, khi

lên xe taxi cũng phải ngồi giữa Phan Văn H và Nguyễn Văn K, xuyên suốt thời gian từ lúc gặp nhóm Phan Văn H lúc 09 giờ sáng đến hơn 16 giờ chiều, bị hại bị hạn chế sự tự do hoạt động, tự do dịch chuyển với ý chí bị tê liệt, tinh thần mệt mỏi do liên tục bị đánh đập, đe dọa. Hành vi hạn chế sự tự do của ông Lê Văn M chỉ chấm dứt khi ông Lê Văn M nhận tin cho vợ để cầu cứu cơ quan chức năng tới giải quyết.

Do đó, hành vi của bị cáo Phan Văn H đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “Giữ người trái pháp luật” với vai trò đồng phạm, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bào chữa của luật sư cho rằng bị cáo không phạm tội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Phan Văn H**. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

+ Xử phạt bị cáo **Phan Văn H** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng 03 (ba) ngày tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2014. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo nộp 200.000 án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao; (1)
- TAND Cấp Cao tại Tp. HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND Q. Tân Bình; (1)
- Chi cục THA Q. Tân Bình; (1)
- TAND Q. Tân Bình; (2)
- Công an Q. Tân Bình; (1)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Người tham gia tố tụng; (5)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu, hình sự, hồ sơ. (23) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hà

